

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS -ST
Ngày 26/7/2022
“V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Thái

Bà Chu Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 24/11/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-DS ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Trịnh Tồn Nh, sinh năm 19xx.**

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trịnh Tồn Nh. Ông Đinh Xuân Diệu - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

*** Bị đơn: Ông Triệu Tồn S, sinh năm 19xx.**

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

Người được ông Triệu Tồn S ủy quyền là chị Chúc Thị N, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Triệu Tồn S là ông Sầm

Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Bình - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Công Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trịnh Mùi L, sinh năm 19xx.

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

* Người làm chứng

- Ông Triệu Tồn P, sinh năm 19xx.

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Ông Triệu Tồn T, sinh năm 19xx.

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Ông Triệu Tạ N, sinh năm 19xx.

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh trình bày:

Năm 1982 mẹ anh là bà Trịnh Mùi L khai phá, sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 02 có tổng diện tích 67.523,4m² bản đồ lâm nghiệp năm 2009 thuộc khu vực Pù Đồn, Nà Vàng Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn để trồng cây Ngô, một thời gian sau đó do nương ớt nên bỏ hoang, đến năm 2009 gia đình anh tiếp tục sử dụng liên tục cho đến ngày 14/6/2021 có ông Triệu Tồn S trú cùng thôn lấy cây Mỡ trồng xuống diện tích khoảng 1.672m² đất mà anh đang quản lý, sử dụng thì xảy ra tranh chấp. Diện tích đất đang tranh chấp anh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh chọn Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm là cơ quan giải quyết việc tranh chấp đất giữa anh và ông S. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Tồn S phá bỏ hoặc di dời số cây Mỡ ông S trồng để trả lại cho anh diện tích đất hiện ông S đang chiếm giữ.

Trong lời khai của bà Trịnh Mùi L trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Trịnh Tồn Nh, diện tích đất hiện nay đang tranh chấp giữa anh Nh với ông Triệu Tồn S do bà khai phá, sử dụng từ năm 1982 đến năm 2009 bà giao lại diện tích đất này cho con trai là Trịnh Tồn Nh sử dụng, việc bà khai phá, sử dụng có ông Triệu Tồn P và anh Triệu Tồn T ở cùng thôn chứng kiến, việc ông S cho rằng bà mượn diện tích đất đang tranh chấp của ông S để canh tác là không đúng. Bà mong Tòa án xem xét để con trai bà Trịnh Tồn Nh được tiếp tục quản lý và sử dụng mảnh đất này.

Trong biên bản lấy lời khai bị đơn ông Triệu Tồn S trình bày: Diện tích đất tranh chấp ông được sử dụng từ năm 1985, 1986, sử dụng được một hai vụ thì bỏ hoang bỏ hoang, đến năm 1995, 1996 sử dụng một hai vụ rồi bỏ hoang cho đến tháng 6 năm 2021 ông lấy cây Mỡ trồng lên diện tích đất này nên xảy ra tranh chấp với anh Trịnh Tồn Nh, diện tích đất tranh chấp ông chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có cây Mỡ của ông trồng tháng 6 năm 2021. Việc anh Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông phá bỏ hoặc di dời số cây Mỡ đã trồng để trả lại đất đang tranh chấp cho anh Nh thì ông không nhất trí vì trước năm 2006 ông cho mẹ của anh Nh là bà Trịnh Mùi L mượn khu đất đang tranh chấp để sử dụng nhưng đến nay không trả.

Trong biên bản lấy lời khai người được bị đơn ủy quyền chị Chúc Thị N trình bày: Chị là con dâu ông Triệu Tồn S, từ thời ông bà khai phá thế nào thì chị không rõ, tuy nhiên theo bố mẹ chồng chị kể lại thì năm 1982 gia đình bố mẹ chị canh tác trồng Ngô, Lúa trên diện tích đất tranh chấp, năm 2006 bố mẹ chị cho gia đình anh Nh mượn để trồng trọt cho đến nay, gia đình chị đã đòi nhiều lần nhưng nhà anh Nh không trả nên tháng 6 năm 2021 thì bố chồng chị trồng cây Mỡ trên diện tích đất mà trước đó cho gia đình ông Nh mượn nên xảy ra tranh chấp với anh Nh.

Lời khai của người làm chứng ông Triệu Tồn P trình bày: Ông có đám nương trồng cây Ngô giáp ranh với đất của anh Trịnh Tồn Nh, từ năm 1982 đến trước khi xảy ra tranh chấp ông thấy gia đình anh Nh trồng cây Ngô ở mảnh đất đó, tuy có năm bỏ năm làm nhưng nhà anh Nh vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp đến khi ông S có tranh chấp vào.

Lời khai của người làm chứng anh Triệu Tồn T trình bày: Ông về làm rể nhà ông Triệu Tồn P từ năm 1995, từ năm 1995 ông được trồng cây Ngô ở thửa đất cạnh đất của anh Nh hiện nay tranh chấp với ông S, từ năm 1995 ông thấy bà Trịnh Mùi L là mẹ anh Nh trồng cây Ngô liên tục không bỏ năm nào, đến khi anh Trịnh Tồn Nh lớn lên thì anh Nh sử dụng liên tục không có ai đến tranh chấp, từ năm 1995 đến nay ông không thấy ông S canh tác năm nào.

Lời khai của người làm chứng ông Triệu Tạ N trình bày: Ông biết việc tranh chấp giữa anh Nh và ông S, nhưng cụ thể nguồn gốc khu đất tranh chấp như thế nào thì ông không biết.

Ông Đặng Tồn P trưởng thôn Phya Mạ trình bày: Sự việc tranh chấp đất giữa anh Nh và ông S đã được hòa giải ở thôn và xã, ông đã trực tiếp lên thực địa xác minh. Ông xác định diện tích đất tranh chấp giữa anh Nh và ông S do gia đình anh Nh khai phá sử dụng ổn định từ trước đến nay và ông Nh đã lấy đá xếp bờ thành từng thửa để canh tác, việc ông S tranh chấp đất của ông Nh là không đúng.

Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm trình bày. Sau khi đo đạc xác định diện tích tranh chấp giữa anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S là 1.312,9m², toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên nằm trong thửa số 418 tờ bản

đồ số 02 bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 diện tích 675.234m² là đất chưa sử dụng (Hg). Theo bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 đo đạc chỉnh lý năm 2021 thì diện tích đất tranh chấp nằm ở thửa 1276 tờ bản đồ số 02 diện tích 713.802,1m² loại đất rừng sản xuất (RSX). Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 đã được phê duyệt thì diện tích đất tranh chấp thuộc loại đất rừng phòng hộ. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc Thôn P, xã C, huyện P và chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho ai và đang thuộc quyền quản lý của UBND xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm.

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Pắc Nặm cung cấp: Diện tích đất tranh chấp giữa anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S nằm ở thửa số 418 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 xã Công Bằng là đất hoang (HG). Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 đã được phê duyệt thì diện tích đất tranh chấp giữa anh Nh và ông S thuộc loại đất rừng phòng hộ. Căn cứ bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 thì diện tích đất tranh chấp giữa anh Nh và ông S vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng với mục đích để quản lý và bảo vệ rừng chứ không sử dụng vào mục đích sản xuất. Hiện nay diện tích đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã Công Bằng quản lý, chưa được giao cho cá nhân nào.

Tại công văn số 122/CV-TNMT ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Pắc Nặm cung cấp. Theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 của huyện Pắc Nặm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Pắc Nặm thì loại đất, diện tích đất hiện đang xảy ra tranh chấp là đất rừng phòng hộ (RPH). Đối với đất rừng phòng hộ tại vị trí, diện tích hiện đang xảy ra tranh chấp đến nay chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức quản lý rừng phòng hộ hoặc cộng đồng dân cư để quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng, phát triển rừng, do vậy nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật đất đai năm 2013 thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu, khả năng bảo vệ, phát triển rừng và đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ mà chưa có tổ chức quản lý và khu vực quy hoạch trồng rừng phòng hộ thì được Nhà nước giao đất rừng phòng hộ để bảo vệ, phát triển rừng và được kết hợp sử dụng đất vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Ngày 10/3/2022 Tòa án đã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn, các phòng ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện Pắc Nặm và Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp cho kết quả. Diện tích đất tranh chấp có diện tích 1.312,9m² thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 02 (Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009), theo bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 chỉnh lý năm 2021 thuộc thửa đất số 1276 tờ bản đồ số 02 (Có sơ đồ kèm theo).

Trên diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² có 42 cây Mỡ do ông Triệu Tồn S trồng tháng 6 năm 2021, cây cao nhất 40cm, cây thấp nhất cao 10cm.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện và khai trong quá trình giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Xác định gia đình anh Trịnh Tồn Nh đã khai phá, sử dụng diện tích đất tranh chấp với ông Triệu Tồn S là có căn cứ, được nhiều người chứng kiến, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất diện tích chấp 1.312,9m² cho anh Trịnh Tồn Nh, buộc ông Triệu Tồn S di dời hoặc chặt bỏ 42 cây Mỡ trên diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² do ông Triệu Tồn S trồng tháng 6 năm 2021, cây cao nhất 40cm, cây thấp nhất cao 10cm, buộc ông Triệu Tồn S phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn và người được bị đơn ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không gửi bản nêu ý kiến, quan điểm, đề nghị.

Tại phiên Tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm phát biểu ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 157, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của BLTTDS; Điều 4, 9, 11, 136, 166, 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh. Buộc bị đơn ông Triệu Tồn S phải chặt bỏ hoặc di dời 42 cây Mỡ ra khỏi diện tích đất tranh chấp, ông Triệu Tồn S phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xem xét, đánh giá tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh với bị đơn ông Triệu Tồn S. Bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có địa chỉ tại xã Công Bằng, huyện Pác Nặm và vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm hòa giải. Căn cứ theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S tranh chấp tại thửa đất số 418 tờ bản đồ số 02 (Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009), theo bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 chỉnh lý năm 2021 thuộc thửa đất số 1276 tờ bản đồ số 02, diện

tích đất tranh chấp là 1.312,9m² loại đất rừng phòng hộ có địa chỉ tại Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 6 năm 2021 ông Triệu Tồn S trồng 42 cây Mỡ lên diện tích đất ông Nh đang quản lý, sử dụng dẫn đến tranh chấp. Nay anh Trịnh Tồn Nh đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Tồn S di dời hoặc chặt bỏ toàn bộ 42 cây Mỡ đã trồng trả lại cho anh diện tích đất 1.312,9m² theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

[3] Xác định diện tích đất tranh chấp:

Ngày 10/3/2022 Tòa án đã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn, các phòng ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm và Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp cho kết quả. Diện tích đất tranh chấp là 1.312,9m² được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-1.

Hội đồng xét xử xác định diện tích tranh chấp giữa anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S là 1.312,9m² thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 02 (Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009), theo bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 chỉnh lý năm 2021 thuộc thửa đất số 1276 tờ bản đồ số 02.

[4] Xác định tài sản trên diện tích đất tranh chấp:

Trên diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² có 42 cây Mỡ do ông Triệu Tồn S trồng tháng 6 năm 2021, cây cao nhất 40cm, cây thấp nhất cao 10cm.

Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng: Diện tích đất tranh chấp giữa anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S đã được bà Trịnh Mùi L khai phá, sử dụng từ năm 1982, đến năm 2009 giao lại cho anh Trịnh Tồn Nh sử dụng ổn định, liên tục cho đến khi xảy ra tranh chấp tháng 6 năm 2021, quá trình sử dụng không có tranh chấp được nhiều người làm chứng xác nhận, còn ông Triệu Tồn S cho rằng thửa đất này là ông khai phá sử dụng từ năm 1985, 1986, sử dụng được một hai vụ lại bỏ hoang đến năm 1995, 1996 sử dụng một hai vụ rồi bỏ hoang, năm 2006 cho bà Trịnh Mùi L là mẹ anh Trịnh Tồn Nh mượn nhưng không lập văn bản làm căn cứ, không có người chứng kiến, ông đã đòi nhiều lần nhưng anh Nh không trả nên tháng 6 năm 2021 ông lấy cây Mỡ trồng lên diện tích đất này nên xảy ra tranh chấp với anh Nh, diện tích đất tranh chấp ông chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có cây Mỡ của ông S trồng tháng 6 năm 2021. Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định bà Trịnh Mùi L và sau này là anh Trịnh Tồn Nh là người sử dụng diện tích đất hiện nay đang tranh chấp ổn định, liên tục từ sau năm 1982 cho đến khi xảy ra tranh chấp với ông Triệu Tồn S vào tháng 6 năm 2021 là có căn cứ, quá trình sử dụng đất tranh chấp của anh Nh phù hợp với lời khai của ông Triệu Tồn S và lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Xác định vị trí, loại đất và căn cứ về quyền sử dụng đất: Căn cứ sơ đồ đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn, công văn số 122/Cv-TNMT

ngày 28/4/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Pác Nặm, biên bản xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Pác Nặm xác định diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² giữa anh Trịnh Tồn Nh và ông Triệu Tồn S nằm ở thửa số 418 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 xã Công Bằng, tại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 chỉnh lý năm 2021 xã Công Bằng thuộc thửa đất số 1276 tờ bản đồ số 02, vị trí thửa đất thuộc Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của huyện Pác Nặm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Pác Nặm thì loại đất, diện tích đất hiện đang xảy ra tranh chấp là đất rừng phòng hộ (RPH). Đối với đất rừng phòng hộ tại vị trí, diện tích hiện đang xảy ra tranh chấp đến nay chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức quản lý rừng phòng hộ hoặc cộng đồng dân cư nào để quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng, phát triển rừng. Hiện nay diện tích đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm quản lý.

Về căn cứ giao đất. Theo công văn số 122/CV-TNMT ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Pác Nặm thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu, khả năng bảo vệ, phát triển rừng và đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ mà chưa có tổ chức quản lý và khu vực quy hoạch trồng rừng phòng hộ thì được Nhà nước giao đất rừng phòng hộ để bảo vệ, phát triển rừng và được kết hợp sử dụng đất vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật đất đai năm 2013.

[6] Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Đánh giá quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² cho anh Trịnh Tồn Nh, yêu cầu ông Triệu Tồn S di dời, chặt bỏ 42 cây Mỡ do ông S trồng và ông S phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8]. Nhận định của Hội đồng xét xử: Bà Trịnh Mùi L là mẹ đẻ của anh Trịnh Tồn Nh là người sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² ổn định, lâu dài từ năm 1982 đến năm 2009 thì chuyển cho con trai là Trịnh Tồn Nh sử dụng, ổn định cho đến nay, bà Lai đề nghị Tòa án xem xét để anh Trịnh Tồn Nh được tiếp tục quản lý, sử dụng mảnh đất này. Diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² đến nay chưa có tổ chức nào quản lý và khu quy hoạch trồng rừng phòng hộ, anh Nh có khả năng bảo vệ, phát triển rừng, đang sinh sống ổn định trong khu vực rừng phòng hộ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật đất đai năm 2013, Điều 16, Điều 73, Điều 76, Điều 81 Luật Lâm nghiệp năm 2017, Ủy ban nhân

dân xã Công Bằng, huyện Pác Nặm là cơ quan đang quản lý diện tích đất tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp cho anh Trịnh Tồn Nh, do vậy cần xem xét giao quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.312,9m² cho anh Trịnh Tồn Nh là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn ông Triệu Tồn S không chứng minh được việc cho bà Trịnh Mùi L mượn diện tích đất tranh chấp để sử dụng và ông S cũng không sử dụng đất ổn định, lâu dài và không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ hiện nay tranh chấp nên không đủ điều kiện được giao đất rừng phòng hộ quy định tại Điều 136 Luật đất đai, do vậy không có căn cứ giao diện tích đất tranh chấp cho ông S.

Từ những căn cứ, đánh giá nêu trên, nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Tồn S phải chặt bỏ hoặc di dời 42 cây Mỡ do ông Triệu Tồn S trồng tháng 6 năm 2021, cây cao nhất 40cm, cây thấp nhất cao 10cm để trả lại diện tích 1.312,9m² cho anh Trịnh Tồn Nh là có căn cứ và được chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn ông Triệu Tồn S phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh đã nộp tạm ứng 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), do vậy bị đơn ông Triệu Tồn S phải hoàn trả cho anh Trịnh Tồn Nh số tiền 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Triệu Tồn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39 khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 4; Điều 5; khoản 3 Điều 136; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 16, Điều 81 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

- Căn cứ Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh

2. Anh Trịnh Tồn Nh có quyền sử dụng diện tích đất 1.312,9m² được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-1, loại đất rừng phòng hộ nằm trong thửa đất

số 418 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 xã Công Bằng, tại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 chỉnh lý năm 2021 xã Công Bằng thuộc thửa đất số 1276 tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. (có bản đồ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

3. Buộc bị đơn ông Triệu Tồn S phải chặt bỏ hoặc di dời 42 cây Mỡ do ông Triệu Tồn S trồng tháng 6 năm 2021 trên diện tích đất 1.312,9m², cây cao nhất 40cm, cây thấp nhất cao 10cm.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000757 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị đơn ông Triệu Tồn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn ông Triệu Tồn S phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Trịnh Tồn Nh đã nộp tạm ứng 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), do vậy bị đơn ông Triệu Tồn S phải hoàn trả cho anh Trịnh Tồn Nh số tiền 2.850.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự số tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã C. (01b)
- Các đương sự. (04b)
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn

